

Trình bày tại L  Gi  H ng Đ o Đ i V  ng và L  Thái T  Ngày 15-10-2011 tại thành phố Mississauga, Ontario.



1.- CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ MINH VÀO TH  K  15

Qu n Minh đ  h  n  c ta t  năm 1407, và thi hành chính sách thu c đ a khai thác. Đ  th c hi n công cu c khai thác, tr  c h t, nhà Minh đ i Đ i Vi t thành qu n Giao Ch , sáp nh p Đ i Vi t vào Trung Qu c, t  ch c hành ch nh qu n Giao Ch  nh  m t qu n   Trung Qu c, đ a ng  i Trung Qu c sang n m nh ng ch c v  then ch t, dùng m t s  ng  i Vi t ch u c ng tác v i nhà Minh vào nh ng ch c v  đ a ph  ng.

Sau khi sáp nh p Đ i Vi t và Trung Qu c, qu n Minh ti n hành k  ho ch đ ng h a. Qu n Minh t ch thu h c ti u h y t t c  các lo i s ch v  c a n  c Nam, k  c  các bia đá ghi l i s  nghi p c a ti n nh n. Qu n Minh ch  v  Trung Qu c h u nh  toàn b  s ch v  Đ i Vi t đã c  t  th i H  Quý Ly tr  v  tr  c. Các s ch n y đ  c Phan Huy Ch  ghi l i trong ch  ng “V n t ch ch ” s ch L ch tr u hi n ch  ng lo i ch . Thay th  s ch v  Đ i Vi t đã t ch thu và ti u h y, nhà Minh cho phát hành r ng rãi s ch v  Trung Qu c do vua Minh cho san đ nh l i.

Th ng 9 năm 1414 (gi p ng ), ng  i Minh ra l nh l p V n mi u (th  Kh ng T ), các đ n th  th n x  t c, n i, sông, gi , m a   các ph  châu huy n. V  phong t c, ng  i Minh bu c thanh ni n nam n  không đ  c c t tóc mà ph i đ  tóc d i; ph  n  ph i b n  o ng n qu n d i nh  ng  i Minh. Ng  i Minh c n c m ng  i Vi t không đ  c  n tr u.  n tr u l  m t t c l  lâu đ i c a ng  i Vi t. C ng trong năm 1414, nhà Minh m  tr  ng h c   Th ng Long và các ph , châu, huy n.

Trong khi t  t  đ ng h a ng  i Vi t, nhà Minh t  ch c khai thác kinh t  đ  ph c v  nhu c u c a Trung Qu c. V  t i nguy n nh n l c, nhà Minh b t h t nh n t i Đ i Vi t, nh ng ng  i th ng minh, th ng kinh, h c r ng, quen thu c v c quan, ch  đ p, t nh gi i, n i n ng ho t b t, t ng ng m o kh i ng , kh e m nh, d ng c m, quen ngh  đi bi n, khéo ngh  s n xu t g ch, làm h  ng... đ a v  Trung Qu c s  đ ng.

V  n ng nghi p, qu n Minh quy đ nh m i m u ru ng ch  c  3 s o, thay v  10 s o nh  cũ. Đ i đ n v  đ o l  ng nh  th  c  nghĩa l  tăng thu  ru ng đ t l n h n ba l n. Năm 1410 (canh đ n), qu n Minh ra l nh đ t đ n đ i n  các n i g n th ng Th ng Long, thu mua l a   các ph  T y n

H a, Th i Nguy n, Tam Giang, đ  cung  ng th c ph m cho đ n qu n vi n chinh; bu c d n Vi t tr ng h i ti u đ c s n đ  chuy n v  Trung Qu c nh : h  ng li u, h  u tr ng, chim v t, v  n b c m , tr n ...Ng  i Minh c n b t d n ch ng v ng r ng n i t m b t voi, t  gi c, v  d n ch ng l m ngh  ch i l  i ven bi n đ  m  ng c trai.

Th ng 7 n m m u tu t (1418), ng  i Minh thi t l p tr ng s  thu ng c trai t i hai đ a đ m c  h i ph n sinh s n nhi u ng c trai. Đ  l  V nh An (Ti n Y n, V n Ninh, Qu ng Y n) v  V n Đ n (V n H i, Qu ng Y n). H ng ng y, h ng ng n d n b  đ a đ  m  ng c trai cho ng  i Minh.

V  c ng ngh , ng  i Minh thu mua v ng b c, nh ng kim lo i qu y hi m ch  v  Trung Qu c. Th ng 8 n m  t m i (1415), nh  Minh thi t l p c c tr ng ng c c c cai qu n c c v ng m  v ng b c, đ c th c d n đ nh khai đ o c c kim lo i qu y, ki m đ m s n l  ng v  ni m phong n p l n th ng c p.

Nh  Minh th c hi n ch nh s ch thu c đ a khai th c m t c ch tri t đ  đ n n i trong b i B nh Ng  đ i c o, Nguy n Tr i đ  th n: “N o l n r ng đ o m , n o xu ng b  m  ch u, n o h  b y h  u đ n, n o l  i d  chim s . T n h i c  c n tr ng th o m c, n o nh c thay! quan qu  đ n li n.... N y x y nh , m i đ p đ t, ch n tay n o ph c đ ch cho v a. N ng n  v  nh ng n i phu phen, b t b  m t c  ngh  canh c i. Đ c  c thay! tr c r ng kh ng ghi h t t i; đ  b n thay! n  c b  kh ng r a s ch m i. L  n o tr i đ t tha cho, ai b o th n nh n nh n đ  c.”

2.- CH  TR NG C A C NG S N TRUNG QU C V O TH  K  20 v  21

L  c qua ch nh s ch c a qu n Minh, c  m i ng  i nh  l i v o n m 1975, khi v a c  ng chi m Vi t Nam C ng H a (VNCH) t c mi n Nam Vi t Nam, C ng s n Vi t Nam (CSVN) t p trung v  đ t h t s ch v  mi n Nam nh m ti u đ i v n h a mi n Nam, truy n b  v n h a M c-x t, kh ng kh c g  nh  Minh đ  ti u đ i v n h a Đ i Vi t, truy n b  v n h a Trung Qu c.

C ng sau khi c  ng chi m mi n Nam Vi t Nam, CSVN b t s  quan, c ng ch c cao c p VNCH đ  h c t p c i t o, th c ch t l  b t giam trong c c tr i t  trên r ng thi ng n  c đ c v  b t lao đ ng kh  sai. S  ng  i b  b t giam l n kho ng 1.000.000 ng  i, trong 150 tr i giam v  s  ng  i b  ch t trong c c tr i giam l n đ n kho ng 165.000 ng  i. (Spencer C. Tucker, *Encyclopedia of the Vietnam War, a Political, Social, and Military History, Volume Two*, Santa Barbara, California, 1998, tr. 602.) C ch b t ng  i đ a l n c c tr i t  h c t p c i t o c a CSVN kh ng kh c g  qu n Minh đ  đ y đ a d n Vi t v o th  k  15: “N o l n r ng đ o m , n o xu ng b  m  ch u ...”

Nh ng ch  tr ng tr n đ y l  do CSVN h c theo quan th y l  C ng s n Trung Qu c (CSTQ). C ng s n TQ đ i v i Vi t Nam v o th  k  20 v  21 c n th m đ c h n nh  Minh đ i v i Đ i Vi t v o th  k  15. Tr  c h t, trong m t t i li u c a đ ng CSTQ t a đ  l  “C ch m ng Trung Qu c v  đ ng C ng S n Trung Qu c”, đ a r  n m 1939, l nh t  đ ng CSTQ l  Mao Tr ch Đ ng đ  x c quy t r ng An Nam (t c Vi t Nam) l  “n  c ph  thu c c a Trung Qu c.” (Nxb. S  Th t, S  th t v  quan h  Vi t Nam – Trung Qu c trong 30 n m qua [t i li u c a đ ng CSVN, kh ng đ  t n t c gi ], H  N i: 1979, tr. 16.) (L c n y CSVN đ ng ch ng CSTQ.) Đ i u n y ch ng kh c g  nh  Minh s p nh p Đ i Vi t th n m t qu n c a Trung Qu c v o th  k  15.

T  năm 1950, khi b t đ u vi n tr  quân s  cho CSVN, CSTQ cũng “vi n tr  văn h a” cho CSVN. CSVN t  ch c các phong trào “r n c n ch nh c ”, “r n c n ch nh quân”, “ch nh hu n”, theo c ch th c CSTQ, nh m lo i b  t t c  các th nh ph n d n t c trong cu c chi n ch ng Ph p. V  v y t  năm n y, nhi u nh  y u n  c theo ch  nghĩa d n t c đ  ly khai Vi t Minh v  th nh ph  h p t c v i ch nh ph  B o Đ i.

Cu c C i c ch ru ng đ t theo c ng th c c a CSTQ đ  gi t h i kho ng 200,000 ng  i d n m t c ch oan  c. C ng th c c a Trung Qu c do m t đ ng vi n CSVN cao c p ghi  i l  “m t x  c  t ng n y b n c  n ng th  theo kinh nghi m Trung Qu c, nh t đ nh ph i c  b ng n y đ a ch ”.(Nguy n Văn Tr n, Vi t cho M  và Qu c h i [t i b n], California, 1995, tr. 166.)

Trong cu c CCRĐ năm 1955, t i Thanh H a, đ i CCRĐ đ  đ p ph  m  bia đ  t  th  k  15 ghi c ng đ c c a L  L i t c L  Th i T . (Nguy n Minh C n, “Xin đ ng qu n! N a th  k  tr  c”, đ i n  báo  nh D  ng, ng y 3-2-2006.) Đ i CCRĐ c n đ t nh  th  t c h  Nguy n c a đ i thi hào Nguy n Du   Ngh   n, ti u h y t t c  nh ng di c o c a đ i thi hào n y. (Nguy n Minh C n, báo đ  d n.). C ng t i Ngh   n, anh hùng d n t c Phan B i Ch u b  đ i CCRĐ đ m ra đ u t  v   nh c a Phan B i Ch u b  qu ng v o chu ng tr u. (L i k  c a ch u n i Phan B i Ch u tr n báo K n th c ng y nay, s  50, Tp.HCM ng y 15-12-1990, v  th  c a L  Nh n g i Phan Văn Kh i, tr n báo Đ n Chim Vi t ng y 5-12-2005.) H nh đ ng n y kh ng kh c g  nh  Minh v o th  k  15, đ p ph  bia đ  c a Đ i Vi t, đ t ho c t  ch  thu s ch v  c a Đ i Vi t đ m v  Trung Qu c.

C n n a, đ   y l ng Trung Qu c, CSVN k  c ng h m ng y 14-9-1958 c ng nh n T y n b  ng y 4-9-1958. B n t y n b  n y ch ng nh ng x c đ nh h i ph n 12 h i l  c a Trung Qu c m  c n x c đ nh ch  quy n c a Trung Qu c tr n các qu n đ o Ho ng Sa v  Tr  ng Sa, v n l  c a Vi t Nam. Đ y l  t i ph n qu c  n lao nh t trong  ch s  d n t c, d ng đ o, d ng bi n cho ngo i bang b c ph  ng.

B  CSTQ  p  c n ng n , sau năm 1975, CSVN ch y theo Li n X , mu n ch ng  i CSTQ. V  v y năm 1979, CSTQ “đ y” cho CSVN m t b i h c. S  s p đ  c a Li n X  năm 1991 ch m đ t t nh tr ng   ng đ u trong kh i C ng s n Qu c t . Trung Qu c tr  th nh c  ng qu c c ng s n s  1 tr n th  gi i. T  đ y CSVN kh ng c n s  ch n  a n o kh c; kh ng c n đ u d y gi a Li n X  v  Trung Qu c. N u mu n t n t i, CSVN b t bu c ph i th n ph c v  q y  y c  ng qu c c ng s n c n  i l  Trung Qu c. V  ph i Trung Qu c, kh ng c n s  b  Li n X  c nh tranh  nh h  ng, CSTQ  p đ ng k  ho ch t m  n d u, t  t  nu t đ n c n m i Vi t Nam.

Tr n danh nghĩa, CSTQ kh ng đ  h  Vi t Nam nh  nh  Minh đ  h  Đ i Vi t, nh ng CSTQ kh ng ch  đ ng CSVN v  d ng đ ng CSVN l m c ng c  khai th c Vi t Nam nh m ph c v  Trung Qu c. C    ch ng ta c n nh  l  trong n n bang giao gi a Đ i Vi t v  Trung Qu c, tr  c kia vua ch a Đ i Vi t ph i g i ph m v t sang tr u c ng Trung Qu c, nh ng vua ch a Đ i Vi t v n đ c   p m t c i v  kh ng c i đ u v ng ph c Trung Qu c. Trong khi đ , hi n nay, l nh đ o CSVN n m tr n trong tay CSTQ, n n CSVN ph i thi h nh nh ng m nh   nh c a CSTQ.

Đ u ti n, CSTQ  p  c CSVN ph i k  hai hi p   c nh  ng đ t v  nh  ng bi n. Tr  c kia c n Li n X  l m đ i tr ng, CSVN đ a v o Li n X  đ  t m c ch tr nh n  CSTQ. L n n y Li n X  đ  tan r , CSVN đ nh ph i v ng  i Trung Qu c. Hi p   c v  bi n gi i tr n đ t li n Vi t Nam

Trung Quốc ngày 30-12-1999 nhượng lại Nam Quan và một nửa Thác B n Gi c cho Trung Quốc. Hiệp định phân định lãnh hải ngày 25-12-2000, nhượng lại cho Trung Quốc khoảng 10.000 cây s  vu ng một biển trên Vịnh Bắc Việt.

Người Việt Trung Quốc tràn vào Việt Nam càng ngày càng đông, không cần hỏi chi u nhập công, lập gia đình và   i luôn Việt Nam, chúng nh ng công nhân tranh cướp kinh tế với người Việt Nam mà còn nh m mưu đích đ ng hóa Việt Nam. Hàng hóa công nghiệp rẻ tiền của Trung Quốc tu ng vào Việt Nam qua đ ng biên giới rừng m , gi t chết các ngành tiểu thủ công nghiệp trong nước Việt Nam.

Trước kia, quân Minh lập đ n đi n, thu mua lúa gạo, thực phẩm gửi về Trung Quốc. Ngày nay người Trung Quốc vét thực phẩm Việt Nam, nhất là hải sản đ a về Trung Quốc. Trung Quốc thu mua nhiều loại “đ c s n”   i l ng, nh i m ng trâu, tai ngựa, rắn rắn, ... Muốn bán m ng trâu, tai ngựa thì phải gi t trâu ngựa. B t rắn rắn đi bán thì làm một cân b ng sinh thái trong thiên nhiên... Đây là nh ng kẻ ho ch nh m h y ho i môi trường và kinh tế Việt Nam.

Ngoài ra, Trung Quốc còn thuê đ t dài hạn của Việt Nam, t  đ ng b ng lên rừng núi, t  ch c canh tác nh ng nông phẩm theo nhu cầu xuất khẩu của Trung Quốc để gửi về Trung Quốc, ho c xuất khẩu sang thị trường để các khách hàng của Trung Quốc trên thế giới.

Ngày trước, quân Minh bắt dân Việt vùng rừng núi tìm nh ng sản phẩm quý hiếm là s ng voi tê giác. Ngày nay, CSTQ t  ch c sản xuất bauxite ở vùng cao nguyên Cao B ng và Lâm Đ ng, chúng nh ng tác hại về môi trường mà còn   nh hưởng đ n tình hình an ninh vùng cao nguyên. Công nhân Trung Quốc trong nh ng nông trường và công trường là nh ng quân nhân “  n t ”, mai phục sản sàng, chờ đợi thời cơ là ra tay hành đ ng. Ngày trước quân Minh bắt người dân Việt Nam xuất khẩu mỏ ngọc trai, thì ngày nay, CSTQ   n biển, chiếm mỏ trường, tìm kiếm loại nguyên liệu quý đ i lòng biển là dầu hỏa.

Vào thế kỷ 15, hoàng đế nhà Minh ch  áp   c Đ i Việt ở phía bắc. Ngày nay, CSTQ thâm đ c h n, áp   c Việt Nam ở cả 3 mặt: bắc (biên giới Việt-Trung), tây (Lào, Cambodia và dãy Trường Sơn), và đông (Vịnh Bắc Việt và Biển Đông). Vua chúa Trung Quốc ch  ham đánh chiếm đ t liền. Ngoài đ t liền, CSTQ còn đánh chiếm hải đảo, hải phận và ngư trường Việt Nam.

Một bài học lịch sử trong cuộc kháng Minh của Lê Lợi đáng ghi nhớ: Khi nhà Hồ đ o chánh nhà Trần năm 1400, một vài con cháu nhà Trần chạy qua Trung Quốc cầu cứu nhà Minh. Vì vậy, Lê Lợi không dính líu đ n nhà Hồ u Trần nh m tránh tai tiếng và tránh b n   ng, chờ đợi cho đ n khi con cháu nhà Hồ u Trần hoàn toàn sụp đ  năm 1414, thì khi đó Lê Lợi mới bắt đ u chiêu tập hào kiệt, t  ch c h i nghị L ng Nhai năm 1416, cùng nhau th ng ngự n chung sức chống quân Minh, và sau đó mở cuộc kháng Minh năm 1418. Đây là một kinh nghiệm mà ngày nay chúng ta cần phải học hỏi.

Ngày nay, Hồ Chí Minh và CSVN rủ c quân CSTQ vào Việt Nam, rủ i làm tay sai cho CSTQ. Đ ng CSVN ngày nay vô cảm với tình t  dân t c, đàn áp và gi i tán t c nh ng cuộc biểu tình chống Trung Quốc ở trong nước. Đàn áp lòng yêu nước của quần chúng là một sự phá sản tình thần dân t c của t ng x y ra trong lịch sử Việt Nam. Nh  thế, CSVN còn đó thì không thể chống Trung Quốc đ  c. Muốn chống Trung Quốc thì trước hết phải ch m dứt đám nô   ng CSVN, gi ng nh  Lê Lợi muốn chống quân Minh thì phải đi cho nhà Hồ u Trần sụp đ .

Chính sách nhà Minh và CS Trung Quốc đối với VN

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Ba, 18 Tháng 10 Năm 2011 05:36

Váa qua, cßt sßng hßi ngoßi vißt “Thßng” gßi CSVN lßm tß vißc lßm thßt lß vß ích. Đßng lß “đßn gßy tßi trßu”. Nßu quý vß cßn quan tßm đßn tißn đß dân tßc, mußn vißt thßng, thßi xin quý vß hßy vißt thßng kßnh gßi nhßn dân Vißt Nam, kßnh gßi hßn 80 trißu đßng bßo trong nßc, kßu gßi đßng bßo hßy đßn kßt vßi nhßng nhßa tranh đßu dân chß trong nßc, đßng loßt đßng lßn gißi thß chß đßc tßi CSVN, chßm đßt nßn tay sai nßi ßng, thßi lßc đß dân tßc Vißt Nam mßi cß thß chißn đßu chßng Trung Qußc.